

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2022/DS-ST**

Ngày: 21/3/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Ngọc
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C;

Địa chỉ: số 442 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Anh C, sinh năm 1992 (*Văn bản ủy quyền số 15/UQ-QLN.22 ngày 10/01/2022*). (*Có mặt*)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977; (*Vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: số 13 đường 27, phường K, quận P, Thành phố M.

Địa chỉ tạm trú: Số 84 đường 19/5B, phường Th, quận P, Thành phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần C (sau đây viết tắt là Ngân hàng C) và bà Nguyễn Thị Ngọc H đã ký các Hợp đồng cấp tín dụng trả góp như sau:

1. Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016 (số tài khoản vay 226183519) với các chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng.

- Thời hạn cho vay: 48 tháng, kể từ ngày 02/11/2016 đến ngày 02/11/2020.
- Mục đích cho vay: Tiêu dùng tín chấp.
- Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu)
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Số tiền trả góp hàng tháng: 2.129.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.137.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 69.914.000 đồng (bao gồm nợ gốc là 52.026.507 đồng và nợ lãi là 17.887.493 đồng), kể từ ngày 30/9/2018 đến nay bà H không thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán cho Ngân hàng C mặc dù Ngân hàng C đã nhiều lần nhắc nhở.

2. Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016 (số tài khoản vay: 228125719) với các chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 58.000.000 (*Năm mươi tám triệu*) đồng.
- Thời hạn cho vay: 48 tháng, kể từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/12/2020.
- Mục đích cho vay: Tiêu dùng tín chấp.
- Lãi suất trong hạn: 12%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu)
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Số tiền trả góp hàng tháng: 1.788.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.804.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 40.748.000 đồng (bao gồm nợ gốc là 25.368.000 đồng và nợ lãi là 15.380.000 đồng), kể từ ngày 01/11/2018 đến nay bà H không thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán cho Ngân hàng C mặc dù Ngân hàng C đã nhiều lần nhắc nhở.

Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 15/6/2020, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của các Hợp đồng cấp tín dụng trả góp nêu trên, dư nợ gốc của các Hợp đồng là 50.605.493 đồng, (trong đó: Hợp đồng số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016 là 17.973.493 đồng và Hợp đồng số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016 là 32.632.000 đồng).

Tính đến ngày 21/3/2022 bà H còn nợ Ngân hàng C số tiền 110.662.000 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016: Nợ gốc 17.973.493 đồng; Lãi trong hạn 15.719.854 đồng; Lãi quá hạn 5.287.951 đồng; Phạt chậm trả 4.600.000 đồng.

- Hợp đồng số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016: Nợ gốc 32.632.000 đồng; Lãi trong hạn 12.934.000 đồng; Lãi quá hạn 10.018.024 đồng; Phạt chậm trả 4.400.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng C rút yêu cầu phạt chậm trả đối với bà H, cụ thể số tiền 9.000.000 đồng (trong đó Hợp đồng số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016 là 4.600.000 đồng và Hợp đồng số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016 là 4.400.000 đồng).

Nay Ngân hàng C kính đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng C tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 21/3/2022 là 94.565.322 (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi hai*) đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016: 38.981.298 đồng (trong đó nợ gốc 17.973.493 đồng; Lãi trong hạn 15.719.854 đồng và Lãi quá hạn 5.287.951 đồng).

- Hợp đồng số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016: 55.584.024 đồng (trong đó nợ gốc 32.632.000 đồng; Lãi trong hạn 12.934.000 đồng và Lãi quá hạn 10.018.024 đồng).

Đồng thời bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng cấp tín dụng đã ký kể từ ngày 22/3/2021 đến ngày bà H trả dứt nợ. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Tòa án nhân dân quận P đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19/01/2021, 08/4/2021 và 02/6/2021 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa xét xử:

- Bà Bùi Anh C là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày như trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

- + Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký hai hợp đồng tín dụng số CVL.CN542.021116 và hợp đồng số

CVL.CN.131.061216. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng C đã giải ngân cho bà H tổng số tiền của hai hợp đồng là 128.000.000 đồng (Trong đó Hợp đồng số CVL.CN542.021116 là 70.000.000 đồng và Hợp đồng số CVL.CN.131.061216 là 58.000.000 đồng). Trong quá trình sử dụng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/6/2020 Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của hợp đồng cấp tín dụng trả góp cho số CVL.CN542.021116 và CVL.CN.131.061216. Tính đến ngày 21/3/2022 bà H phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền của hai hợp đồng là 94.565.322 (Trong đó: Nợ gốc là 50.605.493 đồng; Lãi trong hạn là 28.653.854 đồng và Lãi quá hạn là 15.305.975 đồng). Xét thấy, trong quá trình thực hiện 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại hợp đồng nên Ngân hàng C chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của bà sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp (Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016 và Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016; Thông báo lịch trả nợ vay; Thông báo thu hồi nợ trước hạn; Bảng tính lãi theo tài khoản số tài khoản 228125719 và số 226183519; Sao kê giao dịch account vay 228125719 từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/12/2021 và Sao kê giao dịch account vay 226183529 từ ngày 02/11/2016 đến ngày 08/4/2021). Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H cư trú tại quận P nên Tòa án nhân dân quận P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Xét yêu cầu thanh toán số tiền 94.565.322 đồng (trong đó vốn gốc là 50.605.493 đồng, lãi trong hạn là 28.653.854 đồng và lãi quá hạn là 15.305.975 đồng)

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *“đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *“một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016 và Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016; Thông báo lịch trả nợ vay bà H đã ký với Ngân hàng C thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký, Ngân hàng C giải ngân cho bà H một lần sau khi ký Hợp đồng bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 226168369 của bà H tại Ngân hàng C. Thực hiện hợp đồng, bà H, đã thanh toán số tiền 40.748.000 đồng, tính đến ngày 21/3/2022 còn nợ lại 94.565.322 đồng (trong đó số tiền vốn là 50.605.4936 đồng và số tiền lãi là 43.959.829 đồng). Trong việc thực hiện hợp đồng trên, bà H là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng nên Ngân hàng C yêu cầu bà H thanh toán số tiền 94.565.322 đồng là phù hợp với quy định tại điểm 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng C không yêu cầu phạt chậm trả đối với bà H số tiền 9.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

- *Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ và theo thứ tự: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.*

Bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng C yêu cầu bà H thanh toán số tiền 94.565.322 đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

- *Xét yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.*

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng C yêu cầu bà H phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền nợ tính đến ngày 21/3/2022 là 94.565.322 (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi hai*) đồng theo các Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016 (số tài khoản vay 226183519) và Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016 (số tài khoản vay: 228125719), trong đó:

- Hợp đồng số CVL.CN.542.021116 ngày 02/11/2016: Nợ gốc 17.973.493 đồng; Lãi trong hạn 15.719.854 đồng và Lãi quá hạn 5.287.951 đồng.

- Hợp đồng số CVL.CN.131.061216 ngày 06/12/2016: Nợ gốc 32.632.000 đồng; Lãi trong hạn 12.934.000 đồng và Lãi quá hạn 10.018.024 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo thứ tự: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Ghi nhận việc Ngân hàng C không yêu cầu phạt chậm trả đối với bà H.

Kể từ ngày 22/3/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền 4.728.266 đồng (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí 2.433.638 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng*) theo Biên lai thu số 0071461 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

3. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)